

**Bài báo nghiên cứu**

**THỰC TRẠNG PHỐI HỢP GIỮA NHÀ TRƯỜNG VÀ GIA ĐÌNH  
TRONG QUÁ TRÌNH GIÁO DỤC GIỚI TÍNH CHO HỌC SINH LỚP 4, 5  
TẠI CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC QUẬN BÌNH THẠNH,  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Lê Quỳnh Chi<sup>1\*</sup>, Huỳnh Thị Kim Đậu<sup>2</sup>**

<sup>1</sup>Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

<sup>2</sup>Trường Wellspring Sài Gòn, Việt Nam

<sup>\*</sup>Tác giả liên hệ: Lê Quỳnh Chi – Email: [chilq@hcmue.edu.vn](mailto:chilq@hcmue.edu.vn)

Ngày nhận bài: 10-7-2024; ngày nhận bài sửa: 12-8-2024; ngày duyệt đăng: 25-8-2024

## TÓM TẮT

Bài viết này khảo sát giáo viên (GV) và phụ huynh (PH) về thực trạng phối hợp giữa nhà trường (NT) và gia đình (GD) trong việc giáo dục giới tính (GDGT) cho học sinh (HS) lớp 4, 5 tại các trường tiểu học quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM). Kết quả khảo sát cho thấy thực trạng phối hợp về nội dung, hình thức và phương pháp giữa GD và NT trong GDGT cho HS lớp 4, 5 được thực hiện chủ yếu ở mức thường xuyên và đã đạt được những kết quả nhất định. Những hình thức mang tính gần gũi, tiện dụng được cả GV và PHHS ưu tiên thực hiện. Tuy nhiên, hai hình thức là tổ chức cuộc họp, cuộc gặp gỡ và tuyên truyền với PHHS về GDGT có sự chênh lệch về thứ hạng giữa việc thực hiện và hiệu quả mang lại. Kết quả thực hiện ở một số nội dung GDGT chưa phải là kết quả đáng mong đợi bởi vẫn còn dao động từ 21,5% đến 39,3%, tương ứng với việc thực hiện ở mức thỉnh thoảng trở xuống. Việc phối hợp giữa GD và NT trong GDGT cho HS lớp 4, 5 tại các trường tiểu học quận Bình Thạnh, TPHCM chịu sự ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố đến từ NT và GD của HS; trong đó, các yếu tố xuất phát từ GD có ảnh hưởng nhiều hơn các yếu tố từ phía NT.

**Từ khóa:** phối hợp; nhà trường và gia đình; giáo dục giới tính; học sinh lớp 4, 5

## 1. Đặt vấn đề

Những năm gần đây, GDGT trở thành một vấn đề nóng và không còn xa lạ với những người làm giáo dục. Tuy vấn đề này đã được quan tâm nhưng việc tiếp cận và đưa ra các giải pháp để GDGT cho học sinh tiểu học (HSTH) một cách hiệu quả vẫn là thách thức cho rất nhiều GV và PH. Theo số liệu thống kê của Bộ Công an, trong 6 tháng đầu năm 2023, cả nước phát hiện 1075 vụ xâm hại trẻ em, xâm hại 1.233 trẻ em (Le, 2024). Đây chính là hồi chuông báo động về mức độ nguy hiểm của vấn đề này đến phụ huynh, giáo

---

*Cite this article as:* Le Quỳnh Chi, & Huỳnh Thị Kim Đậu (2024). The current state of collaboration between schools and families in sex education for 4th and 5th-graders within Binh Thanh District, Ho Chi Minh City. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 21(8), 1420-1433.

viên và nhà trường. Tại các thành phố, sự phát triển tăng tốc về sinh lí và tâm lí của HSTH đang diễn ra rất nhanh dẫn đến giai đoạn tiền dậy thì bắt đầu sớm hơn. (Nguyen, 2016). Vì vậy, GDGT cho HSTH nói chung và HS lớp 4, 5 nói riêng là vô cùng quan trọng.

Nhà trường, gia đình và xã hội là ba trụ cột chính trong các môi trường giáo dục. Điều này đã được khẳng định trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo “Học đi đôi với hành; lí luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội” (Central Executive Committee, 2013). Sự phối hợp nhịp nhàng giữa các môi trường giáo dục có ý nghĩa to lớn trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả của quá trình giáo dục học sinh, sinh viên (Ministry of Education and Training, 2008; Bui, 2012). Với nội dung GDGT thì vấn đề phối hợp như thế nào giữa NT và GD càng cần được đặt ra, bởi nhờ sự liên hệ và phối hợp này sẽ giúp người giáo dục hiểu, đồng hành, định hướng đúng đắn, kịp thời cho HS trong quá trình lớn lên, hạn chế những tác động tiêu cực. Trong thực tiễn cuộc sống, GD là nơi sinh ra, lớn lên và có ảnh hưởng rất lớn đến việc hình thành tính cách, nhân phẩm của đứa trẻ. Giáo dục ở GD nói chung và vai trò của ba mẹ nói riêng không chỉ là trách nhiệm đạo đức mà còn là trách nhiệm của công dân được quy định trong các văn bản pháp luật như trong Luật Bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em; Luật hôn nhân và gia đình; Hiến pháp... Hiểu được vai trò giáo dục của GD càng củng cố thêm về tầm quan trọng của việc phối hợp giữa NT và GD trong việc định hướng, GDGT cho HS.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### **2.1. Một số lí luận về sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học**

#### **2.1.1. Khái niệm hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục học sinh**

Theo tác giả Małgorzata Bereźnicka: Hoạt động phối hợp giữa NT và GD được hiểu là sự phối hợp chặt chẽ, mối quan hệ tốt đẹp giữa giáo viên, phụ huynh và HS. Điều này bao gồm sự tham gia tích cực của phụ huynh, sự hiểu biết và hỗ trợ của cha mẹ dành cho giáo viên trong quá trình giáo dục con em. (dẫn theo Gwiazdowska, 2014).

Tác giả Nguyễn Văn Huân cho rằng: Hoạt động phối hợp giữa NT- GD được hiểu là sự liên kết giữa các lực lượng giáo dục trong NT - GD lại với nhau tạo sự thống nhất cùng tác động đến đối tượng giáo dục nhằm đem lại hiệu quả giáo dục cao nhất, khắc phục sự phân tán, thậm chí mâu thuẫn với nhau. (Nguyen, 2002).

Như vậy, có thể hiểu rằng “Hoạt động phối hợp (HĐPH) giữa NT và GD trong giáo dục HS là hoạt động trong đó NT và GD cùng hỗ trợ nhau thực hiện theo một kế hoạch giáo dục chung, làm cho quá trình giáo dục được thống nhất nhằm đạt mục tiêu đã đề ra và hướng đến lợi ích tốt nhất cho HS”.

#### **2.1.2. Nội dung phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục giới tính**

Theo tác giả Hoàng Thác Lâm (2018), để giáo dục HS hiệu quả, NT và GD cần phối hợp về các nội dung sau: Phối hợp trong thực hiện chương trình giáo dục và xây dựng kế hoạch giáo dục hàng năm; Phối hợp trong quản lí HS; Phối hợp trong xây dựng cơ sở vật

chất, bổ sung trang thiết bị phục vụ cho dạy và học tại NT. Trên cơ sở đó, chúng tôi cụ thể hơn việc phối hợp giữa NT và GD trong nội dung GDGT như sau:

**Về phía nhà trường:** phối hợp thực hiện chương trình giáo dục giới tính; xây dựng các kế hoạch cụ thể; phổ biến các kế hoạch; tuyên truyền đến GD nhận thức đúng về trách nhiệm phối hợp với NT trong việc GDGT cho HS; tư vấn và cung cấp tài liệu liên quan đến GDGT cho GD; huy động khả năng, tiềm lực của gia đình.

**Về phía gia đình:** chủ động liên hệ với GV, với NT để nắm vững mục tiêu, nội dung GDGT; tham gia vào các hoạt động chăm sóc, GDGT do nhà trường tổ chức; tham gia đóng góp ý kiến cho NT trong việc GDGT cho HS; tham gia các buổi họp PH, các buổi tọa đàm, chuyên đề trong trường để chia sẻ kinh nghiệm GDGT; trao đổi, tuyên truyền về vai trò và tầm quan trọng của việc phối hợp giữa NT và GD trong GDGT.

### 2.1.3. Hình thức, phương pháp phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục giới tính

Mỗi phương pháp và hình thức đều có ưu điểm và hạn chế riêng. Do đó, để phát huy và phối hợp tốt giữa NT và GD trong GDGT cho HS, cần áp dụng linh hoạt các hình thức, phương pháp phù hợp với tình hình thực tế, nhằm đạt được kết quả tốt nhất.

**Phương pháp phối hợp bằng văn bản:** xây dựng văn bản về kế hoạch phối hợp giữa NT và GD trong GDGT cho HS; biên bản cuộc họp giữa Ban đại diện cha mẹ HS và NT; triển khai các văn bản chỉ đạo của cấp trên về nội dung phối hợp giữa NT và GD trong GDGT cho HS.

**Phương pháp dùng lời, trao đổi, tư vấn:** NT và GD thường xuyên trao đổi với nhau qua các buổi họp PH, GV kịp thời đưa ra những tư vấn, thông tin trước những biểu hiện liên quan đến giới tính của HS mình phụ trách.

**Phương pháp truyền thông:** phối hợp giữa NT và GD bằng cách tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho GV và PH về hoạt động GDGT cho HS. Sử dụng các kênh thông tin của trường (bảng tin, website) giới thiệu cho GV và PH về những nội dung, biện pháp liên quan đến GDGT; NT cung cấp cho GD tài liệu GDGT, sách, bài viết hoặc tài liệu hướng dẫn để PH có thể tham khảo và sử dụng trong việc trò chuyện giáo dục HS về giới tính.

**Phương pháp động viên, khuyến khích:** GD và NT cùng nhau xây dựng một môi trường học tập an toàn và tôn trọng giới tính; mời PH tham gia vào các hoạt động liên quan đến GDGT của NT như: giao lưu, hội thảo tư vấn, đồng hành cùng con lớn lên...

**Phương pháp tổ chức hoạt động:** tổ chức các buổi hội thảo, bồi dưỡng, chia sẻ kinh nghiệm GDGT cho HS dành cho GV và PH; Mời chuyên gia về trường trao đổi về phương pháp GDGT cho HS.

## 2.2. Tổ chức nghiên cứu

### 2.2.1. Đối tượng khảo sát

Gồm 56 GV và 51 PHHS lớp 4, 5 tại 05 trường tiểu học quận Bình Thạnh, TPHCM.

### 2.2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi: Sử dụng phiếu hỏi dành cho GV và PHHS.

Phương pháp phỏng vấn: Phỏng vấn ngẫu nhiên 10 GV đang dạy lớp 4, 5 tại các trường tiểu học ở quận Bình Thạnh, TPHCM nhằm thu thập thông tin bổ sung cho dữ liệu khảo sát.

Phương pháp thống kê toán học: Sử dụng phần mềm SPSS để nhập và xử lý số liệu.

2.2.3. Cách quy điểm các mức độ cho thang đo

**Bảng 1.** Cách quy đổi điểm các mức độ cho thang đo

TT	Thang điểm	Mức độ					
		Không cần thiết	Hoàn toàn không đồng ý	Không quan tâm	Không bao giờ	Không hiệu quả	Rất ít
1	1,0 < ĐTB ≤ 1,8	Không cần thiết	Hoàn toàn không đồng ý	Không quan tâm	Không bao giờ	Không hiệu quả	Rất ít
2	1,8 < ĐTB ≤ 2,6	Ít cần thiết	Không đồng ý	Ít quan tâm	Ít khi	Ít hiệu quả	Ít
3	2,6 < ĐTB ≤ 3,4	Bình thường	Phân vân	Bình thường	Thỉnh thoảng	Bình thường	Trung bình
4	3,4 < ĐTB ≤ 4,2	Cần thiết	Đồng ý	Quan tâm	Thường xuyên	Hiệu quả	Nhiều
5	4,2 < ĐTB ≤ 5,0	Rất cần thiết	Hoàn toàn đồng ý	Rất quan tâm	Rất thường xuyên	Rất hiệu quả	Rất nhiều

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Thực trạng nhận thức về vai trò của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục giới tính cho học sinh lớp 4, 5 (xem Bảng 2)

**Bảng 2.** Nhận thức về vai trò của hoạt động phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục giới tính cho học sinh lớp 4,5

Vai trò của hoạt động phối hợp (HĐPH)	Các mức độ					ĐTB	Hạng
	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý		
1. GD có vai trò vô cùng quan trọng, là trung tâm của HĐPH giữa GD và NT	-	1,8	1,8	58,9	37,5	4,32	4
2. Để phát huy hết những nội dung GDGT của NT, đòi hỏi có sự tham gia tích cực từ GD	-	-	3,6	48,2	48,2	4,45	2
3. NT có vai trò vô cùng quan trọng, là trung tâm của HĐPH giữa NT và GD	1,8	-	7,1	60,7	30,4	4,18	6
4. Hoạt động hợp tác giữa NT và GD đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự thống nhất và đạt được kết quả tốt hơn trong việc GDGT cho HS	-	-	1,8	48,2	50,0	4,48	1
5. NT đóng vai trò chủ đạo và GD đóng vai trò chủ động trong HĐPH giữa NT và GD trong GDGT cho HS	1,8	1,8	3,6	60,7	32,1	4,20	5
6. Hoạt động hợp tác giữa NT và GD trong GDGT tạo ra môi trường học tập đồng nhất, cung cấp cơ hội tương tác, trao đổi thông tin và xây dựng một môi trường hỗ trợ cho HS	-	-	1,8	60,7	37,5	4,36	3
<b>ĐTB chung</b>	<b>4,33</b>						

ĐTB chung ở Bảng 2 là 4,33, ứng với mức hoàn toàn đồng ý theo thang đo đã xác lập. Điều này có nghĩa là GV tại các trường tiểu học quận Bình Thạnh, TPHCM hiện nay đã hiểu được các vai trò của HDPH giữa NT và GD trong GDGT cho HS lớp 4, 5. Tuy nhiên, điểm số tìm được ở các nội dung có sự chênh lệch.

Phân tích chi tiết cho thấy, có 4/6 nội dung đưa ra khảo sát đạt mức hoàn toàn đồng ý với ĐTB trải dài từ 4,32 đến 4,48. Trong đó, “Hoạt động hợp tác giữa NT và GD đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự thống nhất và đạt được kết quả tốt hơn trong việc GDGT cho HS” có ĐTB cao nhất = 4,48, xếp thứ hạng 1. Xét về tỉ lệ phần trăm, có đến 98,2% (chiếm gần toàn mẫu) lựa chọn ở hai mức đồng ý và hoàn toàn đồng ý. Trong nhóm ba nội dung còn lại, “GD có vai trò vô cùng quan trọng, là trung tâm của HDPH giữa GD và NT” là nội dung có điểm số lựa chọn hạn chế nhất với ĐTB = 4,32. Tuy nhiên, có 96,4% lựa chọn ở hai mức đồng ý và hoàn toàn đồng ý. Đây được xem là điểm đáng ghi nhận trong nghiên cứu và cần phát huy hơn.

2.3.2. *Thực trạng các nội dung phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục giới tính cho học sinh lớp 4, 5 (xem Bảng 3)*

**Bảng 3.** *Thực trạng các nội dung phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục giới tính cho học sinh lớp 4, 5*

Nội dung	Các mức độ					ĐTB	Hạng
	Không bao giờ	Ít khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên		
1. Phối hợp thực hiện chương trình GDGT cho HS	1,8	5,3	16,1	60,7	16,1	3,84	2
2. Phổ biến các kế hoạch phối hợp giữa NT và GD đến toàn thể cán bộ - giáo viên - nhân viên NT	3,6	7,1	19,6	55,4	14,3	3,70	6
3. Phối hợp trong việc định hướng nhận thức của HS về giới tính	3,6	5,4	12,5	46,4	32,1	3,98	1
4. Định kì hoặc thường xuyên thông báo cho GD về những biểu hiện, nhận thức của HS liên quan đến GT	1,8	7,1	16,1	55,4	19,6	3,84	2
5. Xác định, tạo điều kiện để cha mẹ nhận thức đúng về trách nhiệm phối hợp với NT trong việc GDGT	5,4	7,1	17,9	55,3	14,3	3,66	7
6. Tư vấn cho PH kiến thức về giới tính, GDGT cho HS	1,8	3,6	21,4	57,1	16,1	3,82	4
7. Cung cấp cho PH những tài liệu liên quan đến GDGT	5,4	7,1	26,8	53,6	7,1	3,50	8
8. Huy động khả năng, tiềm lực của GD vào công tác GDGT cho HS	7,1	3,6	16,1	51,8	21,4	3,77	5
<b>ĐTB chung</b>	<b>3,76</b>						

ĐTB chung ở Bảng 3 là 3,76 ứng với mức thường xuyên theo thang đo đã xác lập. Điều này có nghĩa là GV tại các trường tiểu học quận Bình Thạnh hiện nay thường xuyên thực hiện các nội dung phối hợp với GD trong GDGT cho HS. Phân tích chi tiết cho thấy, nội dung được thực hiện cao nhất là “Phối hợp trong việc định hướng nhận thức của HS về giới tính” với ĐTB = 3,98, xếp thứ hạng 1. Phần lớn nhóm đối tượng tham gia khảo sát cụ thể có đến 78,5% GV đánh giá thực hiện ở mức thường xuyên và rất thường xuyên.

Hai nội dung kế đến là “Phối hợp thực hiện chương trình GDGT cho HS” và “Định kì hoặc thường xuyên thông báo cho GD HS về những biểu hiện và nhận thức của HS liên quan đến giới tính” với ĐTB = 3,84, đều xếp thứ hạng 2. Xét về tỉ lệ phần trăm, dao động từ 75,0% đến 76,8% GV thực hiện ở mức thường xuyên trở lên. Qua phỏng vấn, có khá nhiều quan điểm đồng tình với GV5 “Theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, nội dung giáo dục giới tính đã được đưa vào chương trình môn Khoa học lớp 4, lớp 5. Và nội dung này chúng tôi thường xuyên phối hợp với gia đình học sinh để kịp thời nắm bắt, thông tin cho nhau về những biểu hiện hay nhận thức của học sinh về giới tính”.

Các nội dung còn lại có điểm số trải dài từ 3,50 đến 3,82, đều ứng với mức thường xuyên. Trong đó, “Cung cấp cho phụ huynh những tài liệu liên quan đến GDGT” là nội dung có ĐTB thấp nhất với 3,50, xếp thứ hạng 8. Việc giúp các bậc phụ huynh có thể hiểu và tham gia thực hiện GDGT cho HS là rất cần thiết để đảm bảo đạt được kết quả lâu dài. Tuy nhiên, không phải phụ huynh nào cũng am tường về GDGT. Do vậy, việc cung cấp cho phụ huynh những tài liệu liên quan đến GDGT là rất cần thiết.

Nhìn chung, việc phối hợp thực hiện các nội dung trong GDGT cho HS lớp 4, 5 giữa NT và GD hiện nay thực hiện tập trung ở mức thường xuyên. Tuy nhiên, kết quả thực hiện ở một số nội dung vẫn còn dao động 21,5% đến 39,3%, tương ứng với việc thực hiện ở mức thỉnh thoảng trở xuống. Đây là con số đáng quan tâm và cần có biện pháp tác động để những nội dung phối hợp trong GDGT cho HS có sự đồng bộ hơn.

2.3.3. *Thực trạng các hình thức phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục giới tính cho học sinh lớp 4, 5*

**Bảng 4.** *Thực trạng các hình thức phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục giới tính cho học sinh lớp 4, 5*

Các hình thức phối hợp	Mức độ thực hiện		Hiệu quả thực hiện	
	ĐTB	Hạng	ĐTB	Hạng
1. GD và NT thiết lập các kênh thông tin liên lạc hiệu quả (phần mềm liên lạc, hội phụ huynh, email, điện thoại...)	4,04	2	3,96	1
2. NT tổ chức cuộc họp hoặc buổi gặp gỡ với PH để trao đổi về các chương trình GDGT	3,57	13	3,84	4
3. NT cung cấp cho GD tài liệu GDGT, sách, bài viết hoặc tài liệu hướng dẫn để PH có thể tham khảo và sử dụng trong việc trò chuyện giáo dục HS về giới tính	3,64	8	3,55	14
4. NT thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với PHHS về các biểu hiện liên quan đến vấn đề giới tính đáng lưu ý ở HS	3,71	6	3,82	5

5. GD và NT cùng nhau xây dựng một môi trường học tập an toàn và tôn trọng giới tính	3,91	3	3,82	5
6. Mời PHHS đến trường để trao đổi trực tiếp	3,48	14	3,79	7
7. Mời PHHS tham gia vào các hoạt động liên quan đến GDGT của NT như: giao lưu, hội thảo tư vấn, đồng hành cùng con lớn lên...	3,64	8	3,73	8
8. Tuyên truyền với PHHS về phương pháp, kiến thức khoa học, kinh nghiệm liên quan đến GDGT thông qua các buổi mặt trao đổi, tư vấn	3,80	4	3,63	13
9. Tổ chức báo cáo chương trình và nội dung GDGT của NT cho phụ huynh HS	3,64	8	3,68	10
10. Mời chuyên gia về trường trao đổi về phương pháp GDGT cho HS	3,73	5	3,70	9
11. GV phụ trách lớp có kế hoạch phối hợp giữa NT và GD về nội dung GDGT	3,70	7	3,86	3
12. GV chủ động trao đổi kịp thời với PH vào giờ đón, trả HS	4,07	1	3,96	1
13. Hòm thư góp ý	3,16	15	3,27	15
14. PH đóng góp tạo điều kiện về vật chất và tinh thần cho NT trong việc tổ chức các nội dung GDGT cho HS	3,59	12	3,66	11
15. Triển khai các văn bản, quy định của nhà nước về việc phối hợp giữa NT và GD	3,61	11	3,66	11
<b>ĐTB chung</b>		<b>3,69</b>	<b>3,73</b>	

ĐTB chung tìm được ở Bảng 4 lần lượt là 3,69; 3,73, ứng với mức thực hiện thường xuyên và hiệu quả theo thang đo đã xác lập. Điều này có nghĩa là các trường tiểu học quận Bình Thạnh hiện nay thường xuyên thực hiện các hình thức phối hợp trong GDGT cho HS lớp 4, 5 và đạt được những hiệu quả nhất định. Trong đó, “GV chủ động trao đổi kịp thời với PH vào giờ đón, trả HS” là hình thức được thực hiện thường xuyên nhất với ĐTB thực hiện = 4,07, ĐTB hiệu quả = 3,96, đều xếp thứ hạng 1. Tiếp theo là “GD và NT thiết lập các kênh thông tin liên lạc hiệu quả (Phần mềm liên lạc, Hội phụ huynh, Email, gọi điện thoại...)” với ĐTB thực hiện = 4,04 và có ĐTB hiệu quả = 3,96, xếp thứ hạng 1. Đây là hai hình thức có điểm số thực hiện và đạt hiệu quả cao nhất theo bảng xếp hạng. Qua phỏng vấn, GV2 cho rằng “Trong quá trình giáo dục học sinh, khi có vấn đề gì cần trao đổi với phụ huynh thì tôi ưu tiên trao đổi trực tiếp vào giờ đón hoặc trả học sinh. Hình thức này là đơn giản nhất và thông tin được tiếp nhận 2 chiều. Kế đến là liên lạc với phụ huynh qua điện thoại hoặc tin nhắn”. Qua đó có thể thấy, nhóm khách thể tham gia khảo sát đang hướng đến các hình thức mang tính gần gũi, đơn giản và thông tin được tiếp nhận 2 chiều.

Hình thức kế đến là “Tuyên truyền với PHHS về phương pháp, kiến thức khoa học, kinh nghiệm liên quan đến GDGT thông qua các buổi mặt trao đổi, tư vấn” với ĐTB thực hiện = 3,80, xếp thứ hạng 4 và có ĐTB kết quả = 3,63, xếp thứ hạng 13. Kết quả này cho thấy có sự chênh lệch nhất định (0,17 điểm) giữa việc thực hiện cao nhưng kết quả đem lại thấp theo thứ tự xếp hạng. Thiết nghĩ trong quá trình triển khai thực hiện các trường cần quan tâm hơn nữa các yếu tố có liên quan, đa dạng hóa hình thức tổ chức... để việc tuyên truyền hệ thống và đạt hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, hình thức “NT tổ chức cuộc họp hoặc buổi gặp gỡ với PH để trao đổi về các chương trình GDGT” với ĐTB thực hiện = 3,57, xếp thứ hạng 14 và ĐTB kết quả =

3,84, xếp thứ hạng 4. Có thể thấy, mặc dù kết quả này cho thấy sự chênh lệch (0,27 điểm) giữa việc thực hiện chưa cao nhưng hiệu quả được đánh giá ở mức tốt. Điều này có thể do NT đã nỗ lực để tổ chức các cuộc họp, buổi gặp gỡ một cách hiệu quả, tạo được sự tương tác và hiểu biết lẫn nhau giữa NT và GD, từ đó cải thiện chất lượng chương trình GDGT. Thiết nghĩ đây cũng là cơ sở để NT tăng cường tổ chức các cuộc họp, gặp gỡ với PHHS để phát huy hơn nữa về việc phối hợp, nâng cao hiệu quả chất lượng GDGT cho HS.

Đáng quan tâm trong nghiên cứu là hình thức “Hòm thư góp ý” có mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện được đánh giá thấp nhất, xếp thứ hạng 15. Cụ thể, ĐTB thực hiện = 3,16 đạt mức thỉnh thoảng thực hiện và ĐTB hiệu quả = 3,27, đạt mức bình thường theo thang đo xác lập. Qua phỏng vấn GV1 cho biết thêm “Trong việc phối hợp với gia đình giáo dục giới tính cho học sinh chúng tôi ít khi sử dụng và tiếp nhận qua hình thức hòm thư góp ý. Bởi khi cần trao đổi chúng tôi đã thông tin khi gặp mặt trực tiếp phụ huynh hay qua các kênh liên lạc khác một cách nhanh chóng, tiện lợi”.

Như vậy, có rất nhiều hình thức phối hợp giữa NT và GD trong GDGT cho HS lớp 4, 5. Trong đó, những hình thức mang tính gần gũi, tiện dụng và thông tin được tiếp nhận 2 chiều được cả GV và PHHS ưu tiên thực hiện.

2.3.4. *Thực trạng các phương pháp phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục giới tính cho học sinh lớp 4, 5*

**Bảng 5.** *Thực trạng các phương pháp phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục giới tính cho học sinh lớp 4,5 (Khảo sát GV)*

Các phương pháp phối hợp	Mức độ thực hiện Hiệu quả thực hiện			
	ĐTB	Hạng	ĐTB	Hạng
1. Phương pháp phối hợp bằng văn bản	3,07	5	3,05	5
2. Phương pháp dùng lời, trao đổi, tư vấn	4,05	1	4,04	1
3. Phương pháp truyền thông (thông tin giữa NT và PHHS)	3,93	2	3,93	2
4. Phương pháp động viên, khuyến khích	3,82	3	3,89	3
5. Phương pháp tổ chức hoạt động	3,71	4	3,88	4
<b>ĐTB chung</b>	<b>3,72</b>		<b>3,76</b>	

ĐTB chung tìm được ở Bảng 5 lần lượt là 3,72; 3,76, ứng với mức thực hiện thường xuyên và hiệu quả theo thang đo đã xác lập. Với kết quả này, xét theo thứ hạng 5 phương pháp phối hợp này đều được xếp hạng tương đương về mức độ thực hiện và mức độ hiệu quả. Nói cách khác là các trường tiểu học quận Bình Thạnh hiện nay thường xuyên thực hiện các phương pháp phối hợp trong GDGT cho học sinh lớp 4, 5 và đạt được những hiệu quả nhất định. Trong đó, “Phương pháp dùng lời, trao đổi, tư vấn” là phương pháp được thực hiện thường xuyên nhất với ĐTB thực hiện = 4,05 và đạt mức hiệu quả với ĐTB hiệu quả = 4,04, đều xếp thứ hạng 1.

Số liệu thống kê còn cho thấy, “Phương pháp phối hợp bằng văn bản” là phương pháp có mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện hạn chế nhất với ĐTB thực hiện = 3,07, đạt mức thỉnh thoảng và ĐTB hiệu quả = 3,05, đạt mức trung bình, đều xếp thứ hạng 5.



Qua phỏng vấn, GV1 cho biết thêm “Phối hợp bằng văn bản là phương pháp phối hợp truyền thống, có phần rườm rà và tốn thời gian. Trong khi, cả GV và PHHS khá bận rộn nên chúng tôi hướng đến sự phối hợp làm sao cho hợp lí, thuận tiện. Do vậy, tôi chỉ sử dụng việc phối hợp bằng văn bản khi cần thiết hoặc trong dịp tổng kết học kì, kết thúc năm học”.

Các phương pháp còn lại “Phương pháp truyền thông (thông tin giữa NT và PHHS)”, “Phương pháp động viên, khuyến khích” và “Phương pháp tổ chức hoạt động” đều được thực hiện ở mức thường xuyên với ĐTB dao động từ 3,71 đến 3,93 và đạt mức hiệu quả với điểm số dao động từ 3,88 đến 3,93.

Liên quan đến vấn đề này, chúng tôi cũng khảo sát ở PHHS để có cái nhìn khách quan hơn về thực trạng trên và kết quả thu được như sau (xem Bảng 6):

**Bảng 6.** *Thực trạng các phương pháp phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục giới tính cho học sinh lớp 4,5 (Khảo sát PH)*

Các phương pháp phối hợp	Mức độ thực hiện	
	ĐTB	Hạng
1. Phương pháp phối hợp bằng văn bản	3,37	5
2. Phương pháp dùng lời, trao đổi, tư vấn	3,75	1
3. Phương pháp truyền thông (thông tin giữa NT và PHHS)	3,67	2
4. Phương pháp động viên, khuyến khích	3,51	4
5. Phương pháp tổ chức hoạt động	3,63	3
<b>ĐTB chung</b>	<b>3,72</b>	

Bảng 6 cho thấy có đến 4/5 phương pháp đưa ra khảo sát có điểm số thực hiện đạt mức thường xuyên với ĐTB dao động từ 3,51 đến 3,75. Trong đó, phương pháp được thực hiện thường xuyên nhất theo đánh giá của PHHS là “Phương pháp dùng lời, trao đổi, tư vấn” với ĐTB = 3,75 xếp thứ hạng 1. Kết quả xếp hạng này tương đồng với đánh giá của GV. Bên cạnh đó, “Phương pháp phối hợp bằng văn bản” là phương pháp có số điểm hạn chế nhất với ĐTB = 3,37, ứng với mức thỉnh thoảng. Phân tích đến đây có thể thấy, giữa PHHS và GV tại các trường Tiểu học quận Bình Thạnh có sự tương đồng trong đánh giá về mức độ thực hiện các phương pháp phối hợp trong GDGT cho HS lớp 4, 5. Đây được xem là cứ liệu quan trọng để các trường có thể căn cứ vào đó tập trung nâng cao kỹ năng phối hợp thực hiện cho GV và PHHS.

2.3.5. *Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động phối hợp nhà trường và gia đình trong giáo dục giới tính cho học sinh lớp 4, 5*

- **Các yếu tố từ phía nhà trường**

**Bảng 7. Yếu tố từ phía nhà trường ảnh hưởng đến hoạt động phối hợp nhà trường và gia đình trong giáo dục giới tính cho học sinh lớp 4, 5**

Nội dung	Các mức độ					ĐTB	Hạng
	Rất ít	Ít	Trung bình	Nhiều	Rất nhiều		
1. Nhận thức của đội ngũ cán bộ - giáo viên - nhân viên về HDPH chưa đồng bộ	10,7	32,2	19,6	28,6	8,9	2,93	5
2. Giáo viên chưa chú trọng đến việc phối hợp với GD trong việc GDGT cho HS	12,5	39,3	19,6	25,0	3,6	2,68	6
3. Giáo viên còn e dè trong việc dạy nội dung GDGT cho HS	8,9	21,4	39,3	17,9	12,5	3,04	4
4. Các hình thức phối hợp giữa NT và GD chưa thu hút sự quan tâm của phụ huynh HS	5,4	12,5	23,2	53,5	5,4	3,41	2
5. Nội dung kế hoạch hoạt động phối hợp chưa đi vào chiều sâu	7,1	8,9	30,4	42,9	10,7	3,41	2
6. Việc quản lý hoạt động còn mang tính hình thức	5,4	10,7	21,4	51,8	10,7	3,52	1
<b>ĐTB chung</b>	<b>3,17</b>						

ĐTB chung ở Bảng 7 là 3,17, ứng với mức trung bình theo thang đo đã xác lập. Điều này có nghĩa là các yếu tố từ phía NT có sự ảnh hưởng đến thực trạng phối hợp giữa NT và GD trong GDGT cho HS lớp 4, 5 ở mức trung bình. Số liệu thống kê còn cho thấy ở mỗi nội dung khảo sát có điểm số khác nhau.

Phân tích chi tiết cho thấy, nổi bật và đứng vị trí đầu tiên trong bảng xếp hạng là “Việc quản lý hoạt động còn mang tính hình thức” với ĐTB = 3,52, ứng với mức ảnh hưởng nhiều. Thực tế cho thấy, nếu việc quản lý bất kỳ một hoạt động nào của NT mang tính hình thức, sẽ không tập trung vào việc cải thiện chất lượng giảng dạy và học tập. Thay vào đó, người quản lý chỉ chú trọng vào việc tuân thủ các quy định và quy trình một cách máy móc. Điều này ảnh hưởng nhất định đến trạng phối hợp giữa NT và GD trong GDGT cho HS lớp 4, 5. Và theo dữ liệu thống kê có đến 62,5% ý kiến cho rằng việc quản lý hoạt động mang tính hình thức sẽ ảnh hưởng nhiều, thậm chí rất nhiều đến HDPH cũng là điều dễ hiểu.

Ba nội dung còn lại có điểm số dao động từ 2,68 đến 3,41, đều ứng với mức trung bình theo thang đo đã xác lập. Trong đó, “Giáo viên còn e dè trong việc dạy nội dung GDGT cho HS” có điểm vượt trội hơn với ĐTB = 3,04, xếp thứ hạng 4. Theo đó, phần lớn mẫu khảo sát cho rằng tâm lý e dè của GV trong việc dạy GDGT cho HS ảnh hưởng ở mức trung bình chiếm 39,3% (hơn 1/3 mẫu).

- **Các yếu tố từ phía gia đình**

**Bảng 8.** Yếu tố từ phía gia đình ảnh hưởng đến hoạt động phối hợp nhà trường và gia đình trong giáo dục giới tính cho học sinh lớp 4, 5

Nội dung	Các mức độ					ĐTB	Hạng
	Rất ít	Ít	Trung bình	Nhiều	Rất nhiều		
1. Phụ huynh chưa biết, chưa hiểu hoặc chưa nhận thức đầy đủ về HDPH giữa NT và GD trong GDGT cho HS	3,6	7,1	28,6	55,3	5,4	3,52	7
2. Cách chăm sóc, GDGT cho HS của GD không thống nhất với NT	1,8	7,1	32,2	48,2	10,7	3,59	5
3. Cha mẹ thiếu sự chủ động liên lạc, phối hợp chặt chẽ với giáo viên trong việc chăm sóc và GDGT	-	8,9	16,1	66,1	8,9	3,75	3
4. Một số phụ huynh quá bận rộn trong công việc, không đồng hành cùng NT trong quá trình lớn lên của con	-	7,1	14,3	42,9	35,7	4,07	1
5. Một số phụ huynh không có đầy đủ các kiến thức về giới tính để giáo dục HS khi ở nhà	1,8	8,9	23,2	57,2	8,9	3,63	4
6. Một số GD tồn tại suy nghĩ GDGT là trách nhiệm của NT	-	5,4	17,8	64,3	12,5	3,84	2
7. Phụ huynh quan niệm rằng ở tuổi tiểu học, vấn đề GDGT không cần thiết	5,4	5,4	28,5	51,8	8,9	3,54	6
<b>ĐTB chung</b>	<b>3,71</b>						

ĐTB chung ở Bảng 8 là 3,71, ứng với mức nhiều theo thang đo đã xác lập. Điều này có nghĩa là các yếu tố từ phía GD có sự ảnh hưởng nhiều đến thực trạng phối hợp giữa NT và GD trong GDGT cho HS lớp 4, 5.

Yếu tố đứng vị trí đầu tiên trong bảng xếp hạng là “Một số phụ huynh quá bận rộn trong công việc, không đồng hành cùng NT trong quá trình lớn lên của con” với ĐTB = 4,01. Xét về tỉ lệ phần trăm, có đến 78,6% ý kiến (chiếm hơn ¾ mẫu) lựa chọn mức ảnh hưởng nhiều và rất nhiều. Dựa trên tâm lí học phát triển thì HS lớp 4, 5 suy cho cùng vẫn đang sống trong sự bảo dưỡng và chịu ảnh hưởng từ phía GD là rất lớn. Và có một thực tế không thể phủ nhận là trong xã hội hiện đại ngày nay có không ít phụ huynh bận rộn trong công việc, khoán trắng việc giáo dục con cho nhà trường. Điều này kéo theo nguyên nhân có sự ảnh hưởng kế tiếp là “Một số GD tồn tại suy nghĩ GDGT là trách nhiệm của NT” với ĐTB = 3,84, xếp thứ hạng 2. Đây là yếu tố có tỉ lệ lựa chọn mức ảnh hưởng từ nhiều và rất nhiều chiếm khá cao với 76,8% (chiếm hơn ¾ mẫu). Chỉ báo nghiên cứu này cần được quan tâm để có những tác động thích hợp nhằm nâng cao nhận thức cho phụ huynh về HDPH giữa NT và GD trong GDGT cho HS lớp 4, 5.

Các yếu tố còn lại cũng được đánh giá ở mức ảnh hưởng nhiều với ĐTB dao động từ 3,52 đến 3,75. Trong đó, “Phụ huynh chưa biết, chưa hiểu hoặc chưa nhận thức đầy đủ về HĐPH giữa NT và GD trong GDGT cho HS” là yếu tố được đánh giá là ít ảnh hưởng nhất.

Qua phân tích có thể thấy, có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến HĐPH giữa GD và NT trong GDGT cho HS lớp 4, 5 tại các trường tiểu học quận Bình Thạnh, TPHCM. Nhìn chung, các nguyên nhân từ phía GD được đánh giá là có sự ảnh hưởng nhiều hơn nguyên nhân từ phía NT. Trong đó, một số phụ huynh suy nghĩ GDGT là trách nhiệm của NT có tỉ lệ lựa chọn ở mức nhiều trở lên chiếm trên  $\frac{3}{4}$  mẫu. Đây được xem là một căn cứ quan trọng để đề tài nghiên cứu có thêm cơ sở đưa ra những giải pháp thích hợp cho HĐPH giữa GD và NT trong GDGT cho HS lớp 4, 5 tại các trường Tiểu học quận Bình Thạnh, TPHCM trong thời gian tới.

### 3. Kết luận

Kết quả khảo sát cho thấy GV tại các trường tiểu học quận Bình Thạnh, TPHCM hiện nay đã hiểu được vai trò của HĐPH giữa NT và GD trong GDGT cho HS lớp 4, 5. Thực trạng phối hợp về nội dung, hình thức và phương pháp giữa GD và NT trong GDGT cho HS lớp 4, 5 hiện nay được thực hiện chủ yếu ở mức thường xuyên và đạt được những hiệu quả nhất định. Đây được xem là điểm đáng ghi nhận về sự nỗ lực của GV tại các trường tiểu học ở quận Bình Thạnh trong việc phối hợp với GD trong GDGT cho HS lớp 4, 5. Kết quả nghiên cứu còn cho thấy giữa nhận thức của GV về HĐPH và việc thực hiện các nội dung phối hợp có khoảng chênh lệch nhất định. Kết quả nghiên cứu các chức năng quản lí HĐPH giữa GD và NT trong GDGT cho HS lớp 4, 5 cho thấy các trường tiểu học quận Bình Thạnh hiện nay về cơ bản đã thực hiện tương đối tốt. Tuy nhiên, vẫn còn dao động một lượng nhất định GV thực hiện ở mức thỉnh thoảng, ít khi và thậm chí không thực hiện.

Hiện trạng phối hợp giữa GD và NT trong GDGT cho HS lớp 4, 5 tại các trường tiểu học quận Bình Thạnh, TPHCM chịu sự ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố đến từ NT và GD của HS. Trong đó, các yếu tố xuất phát từ GD có ảnh hưởng nhiều hơn các nguyên nhân từ phía NT. Kết quả nghiên cứu còn cho thấy, giữa nhận thức và sự quan tâm của GV về HĐPH và thực trạng thực hiện các nội dung phối hợp giữa GD và NT trong GDGT cho HS lớp 4, 5 có mối tương quan với nhau. Kết quả nghiên cứu này là cơ sở, là điều kiện để nhóm tác giả đưa ra giải pháp phù hợp trong việc phối hợp giữa GD và NT nhằm nâng cao hiệu quả GDGT cho HS.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bui, N. D. (2012). *Tang cuong moi quan he gia dinh, nha truong va xa hoi, gop phan thuc day xa hoi hoa cong tac giao duc* [Strengthening the relationship between family, school, and society, contributing to the socialization of educational work]. Hanoi National University of Education Publishing House.
- Central Executive Committee. (2013). *Nghi quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo* [Resolution of the 8th Plenary Session of the 11th Central Committee on the comprehensive and fundamental reform of education and training].
- Gwiazdowska, S. (2014). Cooperation between school and family as a key to student success. *Polish Journal of Social Science*, 9(1), 225–234.
- Hoang, T. L. (2018). *Tài liệu bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học – hạng IV* [Training materials for the professional title standards of primary school teachers - Grade IV]. (pp.201-208). University of Education Publisher.
- Le, A. D. (2024). *Giao duc gioi tinh cho tre nho nhu the nao la dung* [How to provide appropriate sex education for young children]. <https://thedeweyschools.edu.vn/giao-duc-gioi-tinh-cho-hoc-sinh-tieu-hoc/>
- Ministry of Education and Training. (2008). *Chỉ thị về tang cường phối hợp nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác giáo dục trẻ em, học sinh, sinh viên* [Directive on enhancing the coordination between educational institutions, families, and society in the educational work of children, students and pupils].
- Ministry of Education and Training. (2018a). *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Khoa học. (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)* [General Education Curriculum for the subject of Science (Promulgated together with Circular No.32/2018/TT-BGDĐT dated December 26, 2018 of the Minister of Education and Training)].
- Ministry of Education and Training. (2018b). *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Tự nhiên và xã hội. (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)* [General Education Curriculum for the subject of Nature and Society. (Promulgated together with Circular No.32/2018/TT-BGDĐT dated December 26, 2018 of the Minister of Education and Training)].
- Ministry of Education and Training. (2018c). *Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)* [General Education Curriculum (Promulgated together with Circular No. 32/2018/TT-BGDĐT dated December 26, 2018 of the Minister of Education and Training)]. Hanoi.
- Nguyen, V. H. (2002). *Giao duc gia dinh giup con thanh dat. [Family education contributes to the success of children]*. Hanoi Information and Culture Publishing House.
- Nguyen, M. G. (2016). *Thực trạng giáo dục giới tính ở trường tiểu học ở Thành phố Hồ Chí Minh* [The current state of sex education in primary schools in Ho Chi Minh City]. *Ho Chi Minh*

**THE CURRENT STATE OF COLLABORATION BETWEEN SCHOOLS  
AND FAMILIES IN SEX EDUCATION FOR 4TH AND 5TH-GRADERS  
WITHIN BINH THANH DISTRICT, HO CHI MINH CITY**

*Le Quynh Chi<sup>1\*</sup>, Huynh Thi Kim Dau<sup>2</sup>*

<sup>1</sup>*Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam*

<sup>2</sup>*Wellspring Saigon School, Vietnam*

*\*Corresponding author: Le Quynh Chi – Email: chlq@hcmue.edu.vn*

*Received: July 10, 2024; Revised: August 12, 2024; Accepted: August 25, 2024*

**ABSTRACT**

*This study surveyed teachers and parents regarding the current status of collaboration between schools and families in providing sex education to 4th and 5th-grade students in Binh Thanh District, Ho Chi Minh City. The results indicate that collaboration in terms of content, channels, and methods between families and schools in delivering sex education is generally conducted regularly and has achieved certain outcomes. Both teachers and parents prioritize channels that are more accessible and convenient. However, there is a discrepancy between the implementation and perceived effectiveness of certain channels, such as organizing meetings and gatherings and disseminating sex education information to parents. During the implementation, some areas have not met expectations, with 21.5% to 39.3% of activities occurring only occasionally or less frequently. The collaboration between schools and families in providing sex education to 4th and 5th-grade students in primary schools in Binh Thanh District was influenced by various factors from both the school and the family. Among these, family-related factors exert a greater influence than school-related factors.*

**Keywords:** collaboration; schools and families; sex education; students in Grades 4 and 5